

PHÂN TẦNG VÀ XẾP HẠNG CƠ SỞ GIÁO DỤC CÓ THỂ GIẢI QUYẾT ĐƯỢC NHIỀU VẤN ĐỀ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

GS. TSKH. PHẠM SỸ TIẾN*

Luật Giáo dục Đại học (GDĐH) có hiệu lực từ ngày đầu năm 2013, xác định cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH) trong hệ thống GD quốc dân gồm: các trường cao đẳng (CĐ), trường đại học (ĐH), các ĐH và viện nghiên cứu (NC) (chỉ viện được phép đào tạo (ĐT) tiến sĩ). CSGDĐH sẽ được phân tầng thành: CSGD định hướng NC; CSGD định hướng ứng dụng (UD) và CSGD định hướng thực hành. Phân tầng và xếp hạng được dựa trên 5 tiêu chí (TC): vị trí, vai trò trong hệ thống GDĐH; quy mô, ngành nghề và các trình độ ĐT; cơ cấu các hoạt động ĐT và khoa học công nghệ; chất lượng ĐT và NC khoa học; kết quả kiểm định chất lượng GDĐH. Thực hiện phân tầng và xếp hạng chính xác sẽ tác động đến nhiều vấn đề đang cần giải quyết của GDĐH nước ta như: góp phần phát triển khoa học công nghệ và nâng cao chất lượng GDĐH, tạo sự hài hòa giữa GD đại trà với GD phục vụ NC, phần nào giải quyết vướng mắc của các trường ngoài công lập,... Trong phạm vi bài này, chúng tôi trao đổi một số ý kiến xung quanh vấn đề phân tầng và xếp hạng CSGDĐH.

Như trên đã nêu, phân tầng là phân biệt các cơ sở GD thành 3 nhóm cơ sở GDĐH, nhưng quan trọng nhất có lẽ là định rõ thế nào là cơ sở GD định hướng NC.

1. Cơ sở GD định hướng nghiên cứu

Ở các nước tiên tiến, đại học nghiên cứu (ĐHNC) là nơi thực hiện nhiều công trình NCKH có giá trị, có thể có những phát minh quan trọng, có vai trò như là một viện NC quan trọng của quốc gia. Các ĐHNC cũng nổi tiếng về chất lượng GD-ĐT với những nhân vật làm nên những thành tựu đáng được ghi nhận. Vì thế, các ĐHNC được Nhà nước và nhân dân tin tưởng, tôn trọng. Kinh phí Nhà nước cấp cho các ĐHNC cũng rất lớn, nhiều ĐHNC ở các nước có ngân sách ĐT và NC không ít hơn 100 triệu USD mỗi năm, chưa kể đến một số ĐHNC có ngân sách "khủng" hàng tỉ USD mỗi năm. Ngoài ra, ĐHNC tự tạo ra cho mình một nguồn tài chính

tương đương ngân sách được Nhà nước cấp thông qua các công việc NCKH của mình và từ sự hỗ trợ của các doanh nghiệp.

Với nền kinh tế của nước ta còn nhiều khó khăn, ngân sách dành cho các trường ĐH còn thấp, bản thân các trường ĐH cũng chưa tạo ra được nguồn tài chính lớn thông qua NCKH nên *định hướng* NC ở nước ta chưa thể đòi hỏi cao như các ĐHNC ở các nước. Tuy nhiên, chúng ta cần xác định và khuyến khích các CSGDĐH trở thành CSGD định hướng NC.

2. Căn cứ xác định cơ sở GDĐH định hướng NC

Tuy trong Luật GDĐH đã nêu 5 tiêu chí để phân tầng, nhưng để xác định một CSGD định hướng NC nên chú trọng hơn và có định lượng cụ thể ở TC4 về chất lượng ĐT và NC khoa học cùng với một phần của TC2 về trình độ ĐT, đồng thời cần thúc đẩy nhanh kiểm định chất lượng, qua đó đánh giá đúng năng lực khoa học (KH) của CSGD định hướng NC.

Mấy năm gần đây, *Quyển Phát triển KH-CN* Quốc gia (NAFOSTED) thuộc Bộ KH-CN lấy số công trình công bố trên tạp chí có chỉ số ISI do Viện Thông tin khoa học Hoa Kỳ công nhận để đánh giá năng lực khoa học của một cơ quan khoa học và tài trợ cho nhà khoa học có bài công bố trên tạp chí khoa học ISI. Dịch vụ ISI mới xuất hiện khoảng 20 năm gần đây. Nhiều học giả (1), (2), (3)... đã vạch ra nhược điểm của dịch vụ ISI như số lần được trích dẫn của một bài báo thuộc tạp chí ISI (citation index) và hệ số ảnh hưởng (impact factor) của bài báo có thể bị dàn xếp (như trong bóng đá), nên cần bổ sung các chuẩn khác và tham khảo cách đánh giá trình độ khoa học của một số nước. Các nhà khoa học Việt Nam cũng chỉ rõ sự khác nhau giữa khoa học xã hội và khoa học cơ bản, kĩ thuật, ngoài định lượng cần phân tích định tính.

Mặc dù nhận thấy rõ các nhược điểm của dịch vụ ISI nhưng hầu như các nhà khoa học đều thống nhất: trong tình hình hiện tại, tạm thời có thể sử dụng số công

* Trưởng Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

bổ trên tạp chí ISI làm thước đo trình độ khoa học của các đơn vị, cơ quan khoa học. Vì thế, cũng có thể tạm thời đánh giá năng lực khoa học của các CSGD định hướng NC của Việt Nam thông qua số công bố trên tạp chí ISI (sau này sẽ hoàn chỉnh bằng việc bổ sung đánh giá định tính của các chuyên gia, xác định một số tạp chí của Việt Nam tương đương tạp chí ISI). Điểm đáng lưu ý là hiện nay Việt Nam chưa có tạp chí ISI, nhưng nếu xác định tạp chí Việt Nam tương đương tạp chí ISI không chính xác thì có thể xảy ra hiện tượng quá nhiều tạp chí của ta tự nhận tương đương tạp chí ISI.

Nếu đánh giá năng lực khoa học của các CSGDĐH theo số công bố ISI thì định lượng số công trình đó thế nào? Theo NC (3), trong thời gian 10 năm (1996-2005), Việt Nam có khoảng 3500 công bố ISI, tức là trung bình 350 công trình ISI/năm. Theo (5), trong 15 năm qua (1996-2011), Việt Nam mới có 13.172 ấn phẩm khoa học công bố trên các tập san quốc tế có bình duyệt, tức là bình quân có khoảng 878 công trình được bình duyệt. Nếu ước tính nước ta có 40 CSGD định hướng NC (giả định ĐHQG HN với 5 trường thành viên là CSGD định hướng NC, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh cũng có 5 CSGD NC, mỗi ĐH vùng có 3-4 CSGD định hướng NC và một số trường ĐH đã có truyền thống 40-50 năm sẽ được đánh giá là CSGD định hướng NC), số lượng này phù hợp với nhận định của một lãnh đạo Bộ GD-ĐT là số ĐH định hướng NC chỉ nên chiếm 10%, còn lại là các CSGD định hướng ƯD. Như vậy, mỗi CSGD định hướng NC phải có trên 20 công trình ISI mỗi năm để không bị tụt hậu so với các nước. Cũng theo (3), số công trình ISI của CSGD thuộc lĩnh vực Y sinh chiếm 0,7%, Toán 0,32%, Vật lý 0,38%, Hóa học 0,37%, Kỹ thuật 0,30%, Nông nghiệp 0,36%, Vật liệu 0,17%, Môi trường 0,12%, Kinh tế 0,07%, Công nghệ sinh học 0,03%, Khoa xã hội 0,04% (số làm tròn). Trên cơ sở tỉ lệ thống kê này, có thể phân bổ số công trình ISI mỗi năm cho nhóm các khoa, trường ĐH trong cùng lĩnh vực, nhưng mỗi CSGD định hướng NC không thể có ít hơn con số trung bình (20 công trình ISI mỗi năm). Cũng có thể phân CSGD định hướng NC theo loại A (vượt nhiều so với số trung bình 20 công trình ISI/năm), loại B (gần đạt 20 công trình ISI/năm) và loại C (khoảng 10 công trình ISI). Như vậy, có thể quy định tối thiểu nếu không đạt 10 công trình ISI/năm thì CSGD không thể được đứng trong nhóm CSGD định hướng NC.

Để đạt được yêu cầu này là không đơn giản, nhưng không phải là không thể thực hiện được. Như thống kê đã chỉ ra, các ngành Khoa học xã hội tuy khó khăn nhưng 8 năm trước đây đã đạt được tỉ lệ 0,04%

trong tổng số công trình ISI của cả nước. Muốn đạt số công trình ISI quy định để được công nhận là CSGD định hướng NC các CSGD ĐH sẽ có nhiều cách khác nhau, trong đó quan trọng là khuyến khích và tạo điều kiện để các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ và giảng viên có công trình ISI, tăng cường cử giảng viên đi học nước ngoài bằng các nguồn tài chính khác nhau và đặt yêu cầu người đi học nước ngoài phải phấn đấu có công trình ISI (hiện nay có Đề án 911 và một số đề án của các Ban, Bộ cấp học bổng cho giảng viên đi học nước ngoài).

Ngoài định lượng số công trình ISI, cũng cần quy định tỉ lệ tiến sĩ trong số các giảng viên cơ hữu của trường. Định lượng là bao nhiêu nên dựa trên số thống kê hiện tại của ngành GD-ĐT, nhưng thiết nghĩ là CSGD định hướng NC thì tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ không thấp hơn 50% số giảng viên. Số công trình ISI và tỉ lệ tiến sĩ trong giảng viên là hai tiêu chí đồng thời cần có của một CSGD định hướng NC.

Về chất lượng ĐT (cùng trong TC4) nên quy định rõ ràng về trình độ sinh viên (SV), các trình độ ĐT (một phần của TC2) và chương trình ĐT đối với CSGD định hướng NC. Có thể hiểu, ĐH NC là CSGD truyền thống đòi hỏi SV phải là những người giỏi, xuất sắc và được lựa chọn kĩ. Kinh nghiệm ở nhiều nước, người ta kết hợp kết quả học và tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) với một chứng chỉ thể hiện năng lực hoặc năng khiếu nào đó và tiến hành phỏng vấn trực tiếp học sinh là biện pháp tốt để tuyển SV giỏi. Ở Cộng hòa liên bang Đức, có 4 loại trường THPT, nhưng SV được đăng kí vào các ĐH truyền thống NC chỉ gồm học sinh từ các Trường THPT gần tương tự trường THPT chuyên của Việt Nam, SV các trường THPT khác thường chọn các ĐH ít danh tiếng hoặc học ở ĐH ƯD.

Ở nước ta, khi còn thi "3 chung" thì các CSGD định hướng NC cần tuyển SV sao cho xứng với danh hiệu của mình, không có ngành hay khoa nào tuyển SV sát với điểm sàn. Trường ĐH Xây dựng ở Hà Nội năm 2012 có 2.800 chỉ tiêu tuyển sinh, nhưng chỉ tuyển 2.700 SV với tổng điểm thi ĐH từ 18 điểm trở lên, không hạ thấp tổng điểm thi để tuyển đủ chỉ tiêu. Đó là một ví dụ rất hay cho việc định điểm sàn cho CSGD định hướng NC. Các CSGD này cần tập trung vào việc NCKH và ĐT ĐH với chất lượng cao, ĐT nhiều thạc sĩ và tiến sĩ, không cần ĐT tại chức và liên thông.

Tóm lại, CSGDĐH được xác định là định hướng NC thì cần căn cứ vào số công trình ISI, số lượng tiến sĩ, yêu cầu tuyển sinh cao hơn điểm sàn (khi còn tuyển sinh 3 chung) và tập trung ĐT chính quy với tỉ lệ sau ĐH cao.

3. Vai trò của kiểm định chất lượng GDĐH

Tuy mục tiêu chính của kiểm định chất lượng là để đánh giá (bao gồm tự đánh giá và đánh giá ngoài) và công nhận của cơ quan kiểm định chất lượng độc lập để khẳng định cho xã hội biết rằng CSGD đạt yêu cầu tối thiểu, không nhằm mục đích xếp hạng các CSGD, nhưng trong điều kiện nước ta, kết quả kiểm định nên chỉ cho xã hội biết thông tin các CSGDĐH đạt chuẩn cao thấp khác nhau thế nào. Vấn đề này, một chuyên gia Úc với kinh nghiệm của mình đã nói trong hội thảo về kiểm định chất lượng là qua kiểm định hoàn toàn có thể đưa ra các mức đạt khác nhau. Ví dụ, ngoài mức không đạt có thể có CSGD đạt 1 sao, đạt 2 sao hoặc 3 sao, 4 sao. Ở nước Anh, các ĐH được xếp hạng đến 5 sao, ở ta xếp hạng đến 4 sao là hợp lý vì nếu có CSGDĐH nước ta đạt loại 5 sao thì chưa thể so sánh với ĐH 5 sao truyền thống và rất nổi tiếng của Vương quốc Anh. Muốn lồng việc xếp hạng vào kiểm định chất lượng, có lẽ trong tiêu chí kiểm định chất lượng nên quy định một số tiêu chuẩn định lượng về năng lực khoa học, về SV như trên đã đề xuất. Nhưng việc kiểm định chất lượng tất cả các CSGDĐH chắc chắn đòi hỏi thời gian dài, nên việc phân tầng CSGDĐH có thể tiến hành độc lập với kiểm định chất lượng. Tất nhiên, các CSGD định hướng NC phải là CSGD đã được kiểm định trong các lần kiểm định trước đây của Bộ GD-ĐT.

4. Vai trò của các cơ sở GD định hướng NC và định hướng thực hành

Nhấn mạnh CSGD định hướng NC không có nghĩa là coi nhẹ CSGD định hướng UD và cơ sở định hướng thực hành. ĐHƯD (University of Applied Sciences) là mô hình ĐH mới ở một số nước như CHLB Đức, Áo, Hà Lan và vùng lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc). Các ĐHƯD yêu cầu giảng viên có khả năng thực hành cao, nhưng tuyển SV với yêu cầu đầu vào không cao như các ĐHNHC. Hiện nay, các ĐHƯD của các nước kể trên đã thu hút được nhiều SV không thua kém các trường ĐHNHC truyền thống. Có lẽ tư duy của SV các nước này rất thực dụng là học tập chủ yếu để làm việc cụ thể, dành công việc NC cho SV có khả năng và sở thích trên cơ sở đánh giá đúng năng lực của bản thân mình.

Mặt khác, đã là GDĐH thì việc trang bị kiến thức lí thuyết phải đặt ra ở mức độ phù hợp. Vì thế, phần lớn các CSGDĐH sẽ là định hướng UD, bao gồm các trường ĐH mới thành lập (cả công lập và ngoài công lập) và cả một số trường ĐH đã hoạt động lâu năm nhưng chưa đạt tiêu chí về năng lực khoa học. Với các CSGD định hướng UD, khi còn thực hiện thi "3 chung"

thì SV tuyển vào chỉ cần đạt điểm sàn. CSGD định hướng UD được phép ĐT tại chức và liên thông theo quy định của Bộ GD-ĐT. Tuy nhiên, tuyển sinh ĐT liên thông nếu thực hiện bằng thi tuyển thì cần thi các môn học mà SV đã học ít nhiều ở cao đẳng và cần nâng cao ở ĐH, không nên áp dụng thi "3 chung" cho tuyển sinh liên thông.

Còn các CSGD định hướng thực hành sẽ ĐT SV có kĩ năng thực hành tốt nhất, bao gồm một số trường ĐH có đặc trưng riêng như sư phạm, văn hóa, nghệ thuật... và các trường cao đẳng. Trường ĐH sư phạm quốc gia với tư cách là trường ĐH chuẩn mực (normal) có thể có một số lĩnh vực NC, góp phần tăng cường năng lực khoa học cho các CSGDĐH.

5. Tác động và hỗ trợ của Nhà nước trong phân tầng và xếp hạng CSGDĐH

Nếu thực hiện phân tầng CSGDĐH trên cơ sở công trình ISI thì trước hết số công trình ISI của các CSGDĐH định hướng NC sẽ nhanh chóng tăng lên, năng lực khoa học của các CSGDĐH sẽ được thể hiện rõ ràng và các CSGD này sẽ có trách nhiệm ngày càng cao trong việc tăng năng lực khoa học của mình, thực hiện các công trình NC khoa học cơ bản và công trình tầm cỡ quốc gia. Tất nhiên, các CSGDĐH định hướng NC cũng phải chú trọng NC triển khai KH-CN để UD cho đời sống, kinh tế, xã hội, nhưng nếu thiếu định lượng ISI cụ thể thì năng lực khoa học sẽ thiếu rõ ràng, minh bạch.

Khi có nhiều CSGDĐH định hướng NC (loại A, B, C như đã đề xuất ở trên) sẽ không xảy ra tình trạng CSGD định hướng NC tuyển SV với điểm thi sát điểm sàn khi còn thi "3 chung". Khi không còn phương thức thi này thì CSGD định hướng NC cũng chỉ nên tuyển học sinh từ các trường THPT chuyên, THPT đạt chuẩn quốc gia, trường nổi tiếng; hoặc khi được xét tuyển thì CSGD định hướng NC sẽ chỉ tuyển học sinh đạt điểm trung bình trong học tập và thi tốt nghiệp THPT thuộc loại cao. Trong khi đó chỉ các CSGD định hướng UD được tuyển SV đạt điểm sàn, hoặc khi không còn thi "3 chung" nữa thì có thể xét tuyển các học sinh với yêu cầu có bằng tốt nghiệp THPT trung bình trong phạm vi chỉ tiêu tuyển sinh của mỗi trường được tự xác định theo quy định của Bộ GD-ĐT. Xin lưu ý rằng quy định hiện hành của Bộ GD-ĐT về tỉ lệ SV/giảng viên cơ hữu và số diện tích tối thiểu/mỗi SV đã là một thước đo khá tốt về năng lực của mỗi CSGD. Như vậy, sẽ phân tầng CSGD theo hướng một số không nhiều ĐT phục vụ NC, phát triển KH-CN, và phần lớn ĐT nguồn nhân lực có kĩ năng làm việc cụ thể; đa số

SV không thật nổi trội sẽ học tập tại các CSGDĐH không định hướng NC.

Muốn tạo cho CSGD định hướng NC "yên tâm" với danh hiệu của mình, không phải lo ĐT tại chức, liên thông, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ mạnh mẽ cho các CSGD này, trong khi đó có thể cắt hỗ trợ kinh phí ĐT cho các CSGD công lập định hướng UD (ít nhất không hỗ trợ học phí). Hay nói một cách trực tiếp là SV học ở các CSGD công lập định hướng UD và thực hành cũng phải đóng học phí cao như CSGD ngoài công lập, vì không còn được Nhà nước bao cấp nữa. Hoặc Nhà nước chỉ hỗ trợ kinh phí ĐT cho các ngành cần phát triển như khoa học cơ bản, công nghệ, kĩ thuật, môi trường... không phân biệt công lập và ngoài công lập mà theo năng lực của CSGD, tạo sự công bằng giữa các CSGD công lập và ngoài công lập. Việc hỗ trợ kinh phí ĐT của Nhà nước cho CSGD định hướng NC ít nhất phải đủ bù đắp khoản kinh phí mà các CSGD đó sẽ không còn khi không ĐT tại chức (với quy định hiện nay số SV tại chức được tuyển bằng 50% chỉ tiêu chính quy) và không ĐT liên thông (quy định hiện nay, số SV liên thông được bằng 20% chỉ tiêu chính quy). Nhà nước tiếp tục có hỗ trợ đặc biệt kinh phí ĐT cho các CSGDĐH có đặc trưng riêng (ví dụ sư phạm và quốc phòng, an ninh...) và có chính sách thu hút SV học cao đẳng để ĐT nhân lực có khả năng thực hành giỏi.

Kinh phí hỗ trợ NCKH cho các CSGD định hướng NC cũng cần tăng cao, đủ tạo điều kiện cho các CSGD định hướng NC thực hiện các công trình NC cơ bản và NC quan trọng. Nhưng đồng thời hỗ trợ kinh phí NCKH nên dành phần thích hợp cho cả các CSGD định hướng UD và định hướng thực hành, không phân biệt công lập và ngoài công lập.

Trên đây là một vài đề xuất với mong muốn quá trình phân tầng các CSGD được thực hiện sớm, rút ngắn lộ trình thực hiện công việc này, đồng thời xử lí sao cho chính xác, rõ ràng. □

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Tuy. "Nên tỉnh táo và khách quan". <http://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/gs-hoang-tuy-nen-tinh-tao-va-khach-quan-688803.htm>
2. Phùng Hồ Hải. "Chỉ số trích dẫn ISI và việc đánh giá khoa học Việt Nam". <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=62&News=3889&CategoryID=36>
3. Nguyễn Văn Tuấn - Nguyễn Đình Nguyên, "Chất lượng nghiên cứu khoa học ở Việt Nam qua chỉ số trích dẫn". <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=62&CategoryID=36&News=3889>

4. "Nafosted sau hai năm triển khai hoạt động tài trợ". <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=62&News=4992&CategoryID=36>

5. Bùi Duy Dương. "Việt Nam tụt hậu 50 năm so với Thái Lan về công bố khoa học". <http://vnexpress.net/gl/khoa-hoc/2013/01/viet-nam-tut-hau-50-nam-so-voi-thai-lan-ve-cong-bo-khoa-hoc/>.

SUMMARY

According to the Higher Education Act with effect from January 1, 2013, the higher education institutions will be stratified into educational institutions oriented research, educational institutions of applied sciences and institutions practice-oriented. Among the criteria for stratification, the criteria shown scientific capacity, training quality and quality of recruitment are most important. The author proposes the using the number of publications in the ISI index journal recognized by the US Institute for Scientific Information, the percentage of faculty with doctorates on the faculty of institution and the requirements for the selected students to serve for stratification of higher education institutions into three types mentioned above. Early and accurate stratification will help increase scientific capacity and improve the quality of higher education and partly solve the problems of the non-public education.

THỂ LỆ VIẾT VÀ GỬI BÀI

1. Nội dung bài viết thuộc các lĩnh vực:

- Quản lí giáo dục;
- Tâm lí học - sinh lí học lứa tuổi;
- Lí luận giáo dục;
- Lí luận dạy học;
- Giáo dục nước ngoài; v.v...

2. Bài viết:

- Mỗi bài viết không quá 6 trang, khổ A4; phông chữ Times New Roman (Unicode), cỡ chữ 14.

- Tên bài báo và tóm tắt nội dung bài báo trình bày bằng 2 thứ tiếng: tiếng Việt và tiếng Anh.

- Tác giả gửi bản in bài viết và tập tin bài viết đến Toà soạn (theo địa chỉ Ban biên tập ghi trên trang mục lục của Tạp chí).

- Chú thích trong bài đánh số theo thứ tự xuất hiện - Tài liệu tham khảo và chú thích ghi ở cuối bài (trình tự: tên tác giả - tên sách/bài báo/văn bản pháp quy - nhà xuất bản - nơi và năm xuất bản).

- Toà soạn không trả lại bài viết nếu không được đăng

3. Để tiện liên hệ, tác giả cần ghi rõ địa chỉ công tác, số điện thoại, email vào cuối bài.

TẠP CHÍ GIÁO DỤC